

Bản án số: 30/2024/DS -ST
Ngày 28 – 03 – 2024
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Chiến

Ông Đỗ Thanh Tú

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Vui là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 499/2023/TLST- DS, ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lý Thị Thu N** – sinh năm: 1958 (có mặt)

Địa chỉ: **số F, khóm C, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.**

- Bị đơn: Ông **Đặng Văn T** – sinh năm: 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2023 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà **Lý Thị Thu N** trình bày:

Năm 2019 ông **Đặng Văn T** có thuê bà làm việc trong quán nhậu của ông **T** ở **phường H, thành phố C**. Mỗi ngày ông **T** sẽ trả cho bà số tiền 150.000 đồng, bà làm việc được 58 ngày. Tổng số tiền bà làm công cho ông **T** được 8.700.000 đồng. Ông **T** trả được cho bà **0** lần với số tiền 2.150.000 đồng, còn nợ lại 6.550.000 đồng. Bà đã đòi nhiều lần nhưng ông **T** cứ hứa sẽ trả nhưng đến nay ông **T** không trả nay bà khởi

kiện yêu cầu ông **Đặng Văn T** trả lại cho bà số tiền vốn là 6.550.000 đồng và yêu cầu trả số tiền lãi từ năm 2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 60.000.000 đồng. Tổng số tiền vốn và lãi bà yêu cầu ông **Đặng Văn T** phải trả cho bà là 66.550.000 đồng.

Đối với ông **Đặng Văn T** đã được thông báo thụ lý vụ án và đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà **Lý Thị Thu N**. Mặt khác ông **Đặng Văn T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có người đại diện tham gia phiên tòa. Nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông **Đặng Văn T** đã được triệu tập xét xử lần thứ hai, nhưng ông **T** vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với ông **Đặng Văn T**.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:* Bà **Lý Thị Thu N** nộp đơn khởi kiện ông **Đặng Văn T** cư trú tại ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau yêu cầu trả lại số tiền làm công còn thiếu. Như vậy, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp đòi lại vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 166, 280 của Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Lý Thị Thu N** yêu cầu ông **Đặng Văn T** trả lại số tiền còn thiếu là 6.550.000 đồng và tiền lãi 60.000.000 đồng.

Căn cứ vào tất cả tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Bà **Lý Thị Thu N** bắt đầu làm công cho ông **Đặng Văn T** từ năm 2019, thỏa thuận tiền công mỗi ngày 150.00 đồng, bà đã làm được 58 ngày với tổng số tiền 8.700.000 đồng. Ông **Đặng Văn T** trả được cho bà **0** lần với số tiền 2.150.000 đồng và còn nợ lại 6.550.000 đồng đến nay chưa trả nên bà **N** khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông **Đặng Văn T** trả lại cho bà số tiền 6.550.000 đồng. Bị đơn là ông **Đặng Văn T** đã được triệu tập nhiều lần, ông **T** ký nhận văn bản tố tụng trực tiếp nhưng vắng mặt và không có bất kỳ văn bản nào gửi đến Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình nên mặc nhiên ông **T** thừa nhận số tiền còn nợ bà **N**. Đến nay chưa trả là bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả lại tiền là phù hợp quy định tại Điều 166 và Điều 280 Bộ luật dân sự. Do đó Hội đồng

xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Thu N buộc ông Đặng Văn T phải trả cho bà N số tiền 6.550.000 đồng.

[3.2] Về lãi suất: Bà Lý Thị Thu N yêu cầu ông Đặng Văn T phải trả số tiền lãi từ năm 2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 60.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng tại Đơn khởi kiện bà không yêu cầu tính lãi suất nên việc bà yêu cầu tính lãi suất là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu được quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời giữa ông T và bà N cũng không có bất kỳ thỏa thuận nào về việc tính lãi chậm trả và bà N cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào về việc ông T cam kết sẽ trả lãi cho bà nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu tính lãi với số tiền 60.000.000 đồng.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Thu N. Buộc ông Đặng Văn T trả cho bà Lý Thị Thu N số tiền 6.550.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lý Thị Thu N về việc yêu cầu ông Đặng Văn T phải trả lại 60.000.000 đồng tiền lãi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm thanh toán số tiền vốn vay nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định pháp luật.

[3.3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Đặng Văn T chịu tiền án phí với số tiền là 327.500 (*Ba trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng*), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N nên bà N không phải chịu án phí. Do bà N là người cao tuổi có nộp Đơn miễn án phí, được miễn tạm ứng án phí nên bà N không có dự nộp tạm ứng án phí.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 227, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 166, 280 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Thu N đối với ông Đặng Văn T.

Buộc ông Đặng Văn T trả cho bà Lý Thị Thu N số tiền còn thiếu là 6.550.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*)

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Đặng Văn T chịu tiền án phí với số tiền là 327.500 đồng (*Ba trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng*), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà Lý Thị Thu N không phải chịu án phí.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Ngân